

Bản án số: 666/2024/HNGĐ-ST
Ngày : 28.8.2024
V/v : Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh.

2. Ông Khưu Hán Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 - Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1987; địa chỉ: 63 đường T, Phường M, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 1051 đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Bị đơn: Ông Trần Đình D, sinh năm: 1978; địa chỉ: 63 đường T, Phường M, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bà Trần Thị Ngọc Hồng - nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Đình D thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung từ năm 2013, ông bà đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 11 cấp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc nhưng

sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ khác biệt, ông D không quan tâm đến những suy nghĩ và mong muốn của bà nên tình cảm của bà dành cho ông D ngày càng giảm dần. Đến cuối năm 2023, bà thuê nhà sống riêng và gửi đơn ly hôn. Hiện tại, tình cảm của bà dành cho ông D không còn, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013, Trần Lê Minh P, sinh ngày 09/12/2019. Từ khi ly thân đến nay, bà H nuôi dưỡng trẻ Trần Lê Minh P, ông D nuôi dưỡng trẻ Trần Lê Minh Đ. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, ông Trần Đình D – bị đơn thừa nhận:

Việc bà H trình bày về thời gian sống chung, có đăng ký kết hôn và thời gian ly thân của 2 vợ chồng là đúng. Từ tháng 12/2023 đến nay, bà H thuê nhà ở riêng và dẫn trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019 để chăm sóc nuôi dưỡng, còn ông thì ông chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông D cho rằng ông không có những hành vi sai trái trong cuộc sống vợ chồng, không vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình; hàng ngày ông chỉ biết đi làm từ sáng đến tối để lo cho gia đình. Nguyên nhân dẫn đến việc xin ly hôn là do bà H có người đàn ông khác. Đã nhiều lần và lần cuối là tháng 3/2024, ông đã nói với bà H là sẽ nói chuyện với cha mẹ của ông, để bà H quay trở về. Nhưng từ đó đến nay, ông không đề cập đến việc này nữa mà ông nghĩ cần có thời gian để bà H suy nghĩ thêm. Nay ông không đồng ý ly hôn, mong bà H suy nghĩ lại để trở về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con chung.

Tuy nhiên, nếu Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn thì ông đề nghị được nuôi trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013 và bà H nuôi trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Tại phiên tòa, ông Trần Đình D vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ lời khai và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân Quận 11, nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Đình D sống chung trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà H gửi đơn yêu cầu được ly hôn với ông D, do ông D cư trú tại Quận 11 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện sống chung năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ được với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Từ cuối năm 2023 đến nay, ông bà đã ly thân và mỗi người nuôi một con chung, hai bên tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông D không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D để mỗi bên tự ổn định cuộc sống của mình.

Trong quá trình hòa giải, ông D và bà H đã thống nhất: Ông D nuôi trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013 và bà H nuôi trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2.2] Xét ý kiến của Bị đơn:

Tại biên bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông D thừa nhận: Về thời gian sống chung, thời gian ly thân, hai con chung đang được ông D và bà H mỗi người nuôi một trẻ, vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung...như bà H đã trình bày là đúng.

Bà H cho rằng ông không quan tâm đến tình cảm, suy nghĩ, không hiểu và chia sẻ với vợ chỉ là cái cớ để bà H xin ly hôn, thực tế là bà H có người đàn ông khác. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương yêu vợ nên không nhắc lại những chuyện đúng sai của vợ chồng, mà muốn đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con, ông không đồng ý ly hôn.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn thì: Ông D sẽ nuôi trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013 và bà H nuôi trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng ông D và bà H không thỏa thuận được việc đoàn tụ hay ly hôn. Do hai bên không thỏa thuận được nên theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phải mở phiên tòa xét xử.

Hội đồng xét xử xét về mâu thuẫn của vợ chồng:

Bà H và ông D sống chung năm 2013, có đăng ký kết hôn nên được xác định là hợp pháp theo qui định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết nên cuối năm 2023 đến nay, bà H ra sống riêng và ông bà đã ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần, động viên bà H nên suy nghĩ lại để trở về cùng chung sống và nuôi dạy con chung. Nhưng bà H xác định tình cảm dành cho ông D không còn, cương quyết xin ly hôn, để ổn định cuộc sống riêng của mình.

Ông D thì cho rằng ông không có gì sai, không vi phạm chế độ một vợ một chồng, ông vẫn yêu thương vợ và mong muốn bà H trở về sống chung để cùng nuôi dạy con chung mặc dù bà H đã có người đàn ông khác. Ông thừa nhận là trong quá trình hòa giải, Thẩm phán cũng đã động viên ông nên quan tâm, chăm sóc đến bà H nhiều hơn, nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông chưa thực hiện được vì ông nghĩ cần có thời gian để bà H suy nghĩ thêm và những gì cần nói, ông cũng đã nói với bà H. Tòa án cũng đã yêu cầu ông cung cấp chứng cứ về việc bà H ngoại tình nhưng đến nay ông cũng chưa cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D cho rằng bà H ngoại tình nhưng ngoài lời khai, ông không cung cấp chứng cứ gì chứng minh điều này, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã yêu cầu nhưng ông D vẫn không cung cấp. Mặc dù không muốn ly hôn nhưng lần cuối cùng (tháng 3/2024) ông D đề cập đến việc nói bà H trở về đã 6 tháng và đến nay ông cũng chưa dàn xếp với cha mẹ để bà H có cơ hội quay về. Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện cho ông D có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không tiến triển gì, ông D vẫn không có những biểu hiện quan tâm, chăm sóc bà H về cả vật chất lẫn tinh thần, không tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc cho Tòa án giải quyết. Việc ông D nại ra lý do bận buôn bán từ sáng đến tối nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

Trong cuộc sống thì vợ chồng nào, gia đình nào thì cũng có mâu thuẫn, có những bất đồng...nhưng vợ chồng thì phải quan tâm chăm sóc lẫn nhau về cả vật chất và tinh thần, phải hiểu và thông cảm cho nhau, chia sẻ với nhau những vui, buồn cũng như khó khăn trong cuộc sống. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng là hạnh phúc nhưng dần dần thì mâu thuẫn phát sinh và đến nay thì hạnh phúc không còn, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, nay nếu có tiếp tục kéo dài thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà còn ảnh hưởng đến gia đình, các con, công việc và cuộc sống của hai bên.

Với những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông D vì thời gian ông bà ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Ông D và bà H đã thỏa thuận được việc nuôi con. Cụ thể: Ông D nuôi trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013 và bà H nuôi trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét việc thỏa thuận việc nuôi con của ông bà là không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Trần Lê Minh Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận là không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trần Đình D (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 11 cấp ngày 20/02/2013, không còn giá trị).

2. Về con chung:

Ông Trần Đình D có trách nhiệm nuôi trẻ Trần Lê Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013. Bà Trần Thị Ngọc H có trách nhiệm nuôi trẻ Trần Lê Minh P - sinh ngày 09/12/2019, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông D và bà H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định là không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021962 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án: Các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Ông D và bà H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 13, Q11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy

